

Bản án số: 143 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-12-2024

V/v: *Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hoàng Văn Khiếu**

**Ông Hoàng Đình Văn**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều** - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:  
**Bà Diêm Thị Thanh Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 274/2024/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị H.

- *Bị đơn*: Anh Vi Văn T.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.

(Các đương sự cùng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 15-11-2024, nguyên đơn là chị Trương Thị H trình bày: Chị và anh Vi Văn T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L vào ngày 09-03-2012. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được. Hai người đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn tình cảm gì với nhau nữa. Vì vậy chị Trương Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung, chị Trương Thị H xác định giữa hai người có 02 con chung là cháu Vi Đăng K- sinh ngày 30-5-2012 và cháu Vi Tố L - Sinh ngày 01-7-2021.

Hiện nay cháu Vi Tô L đang sinh sống cùng chị, còn cháu Vi Đăng K đang sống cùng anh Vi Văn T.

Chị Trương Thị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Tô L và giao cho anh Vi Văn T nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Đăng K. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 16-12-2024, chị Trương Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến theo nội dung đã trình bày tại Bản tự khai.

*Tại Bản tự khai ngày 27-11-2024, bị đơn là anh Vi Văn T trình bày:* Anh và chị Trương Thị H kết hôn vào ngày 22-02-2012 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 3 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do chị Trương Thị H có quan hệ ngoại tình. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh Vi Văn T xác định giữa hai người có 02 con chung là cháu Vi Đăng K- sinh ngày 30-5-2012 và cháu Vi Tô L - Sinh ngày 01-7-2021. Hiện nay cháu Vi Tô L đang sinh sống cùng chị Trương Thị H, còn cháu Vi Đăng K đang sống cùng anh. Vì vậy anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Đăng K và giao cho chị Trương Thị H nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Tô L. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Vi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vi Văn T thừa nhận đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện L về việc triệu tập anh đến giải quyết việc ly hôn. Nhưng do đang đi làm ăn tại tỉnh Bình Dương, không thể về theo triệu tập nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 20-11-2024, cháu Vi Đăng K thể hiện nguyện vọng được ở cùng bố là Vi Văn T nếu bố mẹ ly hôn.

Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái đã mở phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng anh Vi Văn T đề nghị được vắng mặt; chị Trương Thị H có đơn từ chối hoà giải nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà, các đương sự đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái tại phiên toà: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đều có đề nghị xử vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt

các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và nội dung xác minh tại cơ sở thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung là có căn cứ do hiện nay tình trạng vợ chồng giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Bị đơn cũng nhất trí ly hôn. Các đương sự cùng thể hiện ý chí về việc giao cháu Vi Tố L cho chị Trương Thị H, giao cháu Vi Đăng K cho anh Vi Văn T nuôi dưỡng, giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn và giao việc nuôi dưỡng, giáo dục các con chung theo nguyện vọng của các đương sự

Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn cư trú tại xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Các đương sự đều có đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã M, huyện L cấp ngày 09-3-2012. Thể hiện việc kết hôn giữa anh Vi Văn T và chị Trương Thị H là hợp pháp. Các đương sự đều thừa nhận trong cuộc sống chung giữa hai người đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến ly thân. Vì vậy có đủ căn cứ để khẳng định hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ghi nhận sự đồng ý ly hôn của bị đơn để xử cho chị Trương Thị H ly hôn với anh Vi Văn T.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các giấy khai sinh, thể hiện: Giữa hai người có hai người có 02 con chung là cháu Vi Đăng K-

sinh ngày 30-5-2012 và cháu Vi Tố L - sinh ngày 01-7-2021. Các đương sự đều thể hiện nguyện vọng giao cháu Vi Tố L cho chị Trương Thị H và giao cháu Vi Đăng K cho anh Vi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Sự thống nhất của các đương sự về con chung phù hợp với nguyện vọng của cháu Vi Đăng K và phù hợp với thực tế hiện nay cháu Vi Tố L đang được chị Trương Thị H nuôi dưỡng, cháu Vi Đăng K đang do anh Vi Văn T nuôi dưỡng. Vì vậy, cần căn cứ vào quy định của các Điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình để giao con theo nguyện vọng của các đương sự. Do các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không ai không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn, chị Trương Thị H có yêu cầu ly hôn và nuôi cháu Vi Tố L, đề nghị giao cháu Vi Đăng K cho anh Vi Văn T nuôi dưỡng. Anh Vi Văn T nhất trí ly hôn và đồng ý việc trực tiếp nuôi cháu Vi Đăng K, giao cho chị Trương Thị H nuôi cháu Vi Tố L. Do các đương sự cùng đề nghị xử vắng mặt nên không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nhưng cần ghi nhận việc các bên thống nhất được về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 -12 - 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trương Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị H được ly hôn với anh Vi Văn T.

2. Về con chung:

Giao cháu Vi Tố L - sinh ngày 01-7-2021 cho chị Trương Thị H nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Giao cháu Vi Đăng K- sinh ngày 30-5-2012 cho anh Vi Văn T nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Các đương sự không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.*

3. Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2024/0001272 ngày 15-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Yên Bái. Chị Trương Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại 225.000 đồng đã nộp.

Anh Vi Văn T phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị H, anh Vi Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện L;
- Các đương sự
- THA Dân sự huyện L;
- Niêm yết, UBND xã M
- Lưu: Hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Dũng**

